

DỰ THẢO THÔNG TƯ
KIỂM SOÁT TẢI TRỌNG HÀNG HÓA TẠI CẢNG BIỂN
(Kèm theo văn bản số 518/CHHVN-VTDVHH ngày 04 tháng 02 năm 2016)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /2016/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

THÔNG TƯ
Quy định về kiểm soát tải trọng hàng hóa tại cảng biển

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị quyết MSC.380 (94) ngày 21/11/2014 của Ủy ban an toàn hàng hải, Tổ chức Hàng hải quốc tế sửa đổi, bổ sung đối với Quy định VI/2 của Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển năm 1974;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về kiểm soát tải trọng hàng hóa tại cảng biển.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc thực hiện kiểm soát tải trọng hàng hóa trong vùng nước cảng biển.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài liên quan đến hoạt động:

1. Bốc, dỡ hàng hóa của phương tiện giao thông đường bộ, tàu biển, phương tiện thủy nội địa tại các bến cảng trong vùng nước cảng biển, bao gồm cả các bến cảng thủy nội địa nằm trong vùng nước cảng biển.

2. Kiểm soát tải trọng đối với việc cân xác định khối lượng hàng hóa.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Doanh nghiệp cảng bao gồm doanh nghiệp cảng biển, doanh nghiệp cảng bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển.
2. Quy trình là quy trình kiểm soát tải trọng hàng hóa tại bến cảng.

Điều 4. Nguyên tắc về kiểm soát tải trọng

1. Các doanh nghiệp khai thác bến cảng biển, bến cảng thủy nội địa thuộc vùng nước cảng biển chỉ được bốc dỡ hàng hóa khi quy trình kiểm soát tải trọng được phê duyệt và phải thực hiện việc kiểm soát tải trọng theo đúng quy trình đã được phê duyệt.
2. Căn cứ vào quy định pháp luật về kiểm soát tải trọng và các quy định pháp luật khác có liên quan, Cảng vụ hàng hải tổ chức đánh giá và phê duyệt quy trình kiểm soát tải trọng do doanh nghiệp cảng xây dựng.
3. Kiểm soát thực hiện việc bốc dỡ hàng hóa lên phương tiện đường bộ theo quy định của pháp luật về giao thông đường bộ.
4. Kiểm soát thực hiện bốc dỡ hàng hóa lên tàu thuyền theo quy định của pháp luật về Hàng hải và Đường thủy nội địa.

Chương II

QUY TRÌNH KIỂM SOÁT TẢI TRỌNG

Điều 5. Áp dụng quy trình tại cảng biển

Căn cứ vào văn bản công bố cảng, các doanh nghiệp khai thác bến cảng xây dựng quy trình kiểm soát tải trọng phù hợp với loại hàng hóa được phép khai thác và phải được Cảng vụ hàng hải phê duyệt.

Điều 6. Thiết bị cân kiểm soát tải trọng hàng hóa

Các thiết bị cân xác định khối lượng hàng hóa phải thích hợp với tiêu chuẩn về độ chính xác và phải được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, ngoài ra phải có hồ sơ lưu trữ các dữ liệu cân (tối thiểu 06 tháng) để thuận tiện cho việc kiểm tra giám sát.

Điều 7. Xây dựng quy trình kiểm soát tải trọng

Các quy trình kiểm soát tải trọng bao gồm:

1. Quy trình kiểm soát tải trọng đối với phương tiện giao thông đường bộ tại bến cảng được quy định theo Mẫu ban hành kèm theo phụ lục I của Thông tư này.
2. Quy trình kiểm soát tải trọng đối với tàu biển tại bến cảng được quy định theo Mẫu ban hành kèm theo phụ lục II của Thông tư này.
3. Quy trình kiểm soát tải trọng đối với phương tiện thủy nội địa tại bến cảng được quy định theo Mẫu ban hành kèm theo phụ lục III của Thông tư này.

Điều 8. Thủ tục đánh giá, phê duyệt quy trình

1. Trình tự thủ tục đánh giá và phê duyệt

a) Doanh nghiệp cảng xây dựng quy trình theo mẫu và gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cảng vụ hàng hải khu vực quản lý.

b) Cảng vụ hàng hải tiếp nhận và xem xét hồ sơ; trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính còn thiếu hoặc không hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cảng vụ hàng hải thông báo rõ nội dung cần bổ sung, sửa đổi. Trường hợp hồ sơ nhận trực tiếp, cán bộ nhận hồ sơ phải kiểm tra và thông báo rõ cho người nộp những nội dung cần bổ sung, sửa đổi; nếu hồ sơ đầy đủ thì thông báo về thời gian đánh giá quy trình tại bến cảng.

c) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cảng vụ hàng hải tiến hành đánh giá thực tế triển khai thực hiện quy trình tại bến, cảng.

d) Sau khi hoàn thành đánh giá, nếu kết quả đánh giá quy trình đáp ứng việc kiểm soát tải trọng hàng hóa tại bến cảng, chậm nhất 02 (hai) ngày làm việc Giám đốc Cảng vụ hàng hải phải có văn bản phê duyệt quy trình của doanh nghiệp cảng và trả kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính.

Trường hợp không phê duyệt quy trình, Cảng vụ hàng hải phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Thành phần hồ sơ

a) Văn bản đề nghị phê duyệt quy trình kiểm soát tải trọng do người đứng đầu doanh nghiệp cảng ký (theo Mẫu ban hành kèm theo phụ lục IV).

b) Quy trình kiểm soát tải trọng có xác nhận của người đứng đầu doanh nghiệp cảng ở trang cuối (đối với bến cảng liên doanh với nước ngoài hoặc người khai thác cảng là pháp nhân, thể nhân nước ngoài thì quy trình kiểm soát tải trọng phải được dịch sang tiếng Anh).

3. Lệ phí đánh giá, phê duyệt theo quy định của Bộ Tài chính và nộp trực tiếp hoặc chuyển khoản cho Cảng vụ hàng hải.

Điều 9. Xác nhận hàng năm đối với quy trình

1. Hàng năm các doanh nghiệp tự đánh giá quy trình đã được phê duyệt và gửi văn bản (theo Mẫu ban hành kèm theo phụ lục V) báo cáo công tác kiểm soát tải trọng tại bến cảng của mình cho Cảng vụ hàng hải để đề xuất phê duyệt mới (gồm sửa đổi hoặc bổ sung đối với quy trình nếu có).

2. Trong thời gian thực hiện quy trình tại bến cảng, trường hợp nếu có vướng mắc phát sinh, doanh nghiệp cảng có văn bản báo cáo Cảng vụ hàng hải để điều chỉnh bổ sung quy trình cho phù hợp với thực tiễn hoạt động.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu kiểm tra phát hiện doanh nghiệp cảng không tuân thủ quy trình, tùy theo mức độ Cảng vụ hàng hải có thể yêu cầu doanh nghiệp cảng phải thực hiện đánh giá lại quy trình ngay hoặc báo cáo Cục Hàng hải Việt Nam xem xét đối với việc không cho phép tàu thuyền vào rời bến cảng bốc dỡ hàng hóa để bến cảng khắc phục hoặc hoàn thiện lại quy trình.

Chương III
KIỂM SOÁT TẢI TRỌNG HÀNG HÓA TẠI CẢNG BIỂN

Mục 1

**QUY ĐỊNH VỀ KHỐI LƯỢNG CÔNG-TE-NƠ VẬN CHUYỂN
QUỐC TẾ BẰNG ĐƯỜNG BIỂN**

Điều 10. Quy định về xác định khối lượng công-te-nơ

1. Tất cả các công-te-nơ vận chuyển quốc tế được xếp trên tàu mang cờ, quốc tịch quốc gia áp dụng các quy định Công ước SOLAS 74 đều phải được xác định khối lượng trước khi xếp xuống tàu.

2. Theo quy định tại Chương VI, Phần A, Điều 2 của Công ước SOLAS 74 không áp dụng đối với:

a) Các công-te-nơ được đặt trên các moóc hoặc rơ moóc có đầu kéo vận chuyển trên các tàu Ro-Ro chạy tuyến quốc tế ngắn.

b) Hàng hóa được người gửi hàng đề nghị thuyền trưởng chất xếp lên các công-te-nơ đã có sẵn trên tàu.

c) Các công-te-nơ chuyên dùng sử dụng ngoài khơi biển cả (được quy định trong Công ước An toàn công-te-nơ 1972).

Không có bất cứ quy định hay thỏa thuận trong hợp đồng mua bán, hợp đồng vận chuyển, hợp đồng xếp dỡ hàng hóa có thể phủ quyết hoặc xung đột với các nghĩa vụ tuân thủ các yêu cầu Công ước SOLAS 74.

Điều 11. Nguyên tắc xác định khối lượng công-te-nơ

Việc xác định trọng lượng của các công-te-nơ trước khi xếp trên tàu theo quy định.

1. Người gửi hàng có trách nhiệm trong việc thu thập và lập chứng từ xác nhận tổng trọng lượng của công-te-nơ; xác nhận trọng lượng của công-te-nơ sẽ được người khai thác cảng và người khai thác tàu sử dụng để lập kế hoạch xếp hàng hóa của tàu.

2. Công-te-nơ được đóng kiện với các gói hàng và hàng hóa khác sẽ không được chất xếp lên tàu mang cờ, quốc tịch quốc gia áp dụng sửa đổi của SOLAS trừ khi trước hàng được xếp lên tàu, thuyền trưởng hoặc đại diện của họ và người đại diện cảng có được xác nhận tổng trọng lượng của công-te-nơ.

3. Xác nhận về tổng trọng lượng một công-te-nơ được đóng kiện phải được cung cấp một cách đầy đủ cho đại diện cảng và cho thuyền trưởng hoặc người đại diện của họ để sử dụng trong việc lập sơ đồ xếp hàng là điều kiện tiên quyết cho các công-te-nơ được xếp trên tàu mang cờ, quốc tịch quốc gia áp dụng các quy định Công ước SOLAS 74.

4. Công-te-nơ đóng kiện được nhận để xuất khẩu tại một bến cảng không xác minh trọng lượng sẽ không được chất xếp lên tàu cho đến khi có được xác minh trọng lượng. Mọi chi phí phát sinh cho việc xác minh trọng lượng mà

người khai thác tàu hoặc người khai thác cảng thực hiện đối với hàng hóa mà chủ hàng không cung cấp kịp thời xác minh trọng lượng và bất kỳ chi phí nào để khắc phục việc đó do các bên tự thỏa thuận.

5. Tổng trọng lượng của một công-te-nơ trong nội địa được giao bởi một tàu mang cờ, quốc tịch quốc gia áp dụng SOLAS tới một cơ sở cảng (ví dụ: công-te-nơ nhập khẩu hoặc trung chuyển) sẽ được người khai thác tàu và cơ sở cảng sử dụng như là xác nhận trọng lượng của công-te-nơ đó ở cảng xếp hàng của tàu. Cơ sở cảng và người khai thác tàu không cần phải cân lại kiện công-te-nơ trong nội địa được trung chuyển nếu công-te-nơ đó được giao hàng bởi tàu mang cờ, quốc tịch quốc gia áp dụng SOLAS với xác nhận trọng lượng đã có từ hành trình trước của chuyến đi.

Điều 12. Hướng dẫn phương pháp xác định khối lượng

Phương pháp xác định tổng trọng lượng công-te-nơ mà người gửi hàng có thể sử dụng để xác nhận tổng trọng lượng:

1. Phương pháp 1

Người gửi hàng có thể tự cân hoặc thỏa thuận với một bên thứ 3 để thực hiện việc cân công-te-nơ đã đóng kiện qua việc đóng gói và niêm phong hàng hóa sau khi đã sử dụng thiết bị cân được cấp phép (phương pháp này thích hợp với mọi công-te-nơ được đóng kiện và mọi loại hàng hóa).

2. Phương pháp 2

a) Người gửi hàng (hoặc bên thứ 3 được thỏa thuận bởi người gửi hàng) có thể cân các kiện hàng hoặc hàng hóa bao gồm cả trọng lượng của đệm kê hàng, vật lót hàng và các vật liệu khác dùng để đóng kiện, chằng buộc hàng hóa trong công-te-nơ, tổng trọng lượng công-te-nơ được xác định bằng tổng trọng lượng thành phần trong công-te-nơ cộng thêm trọng lượng của vỏ công-te-nơ.

b) Thông số về trọng lượng riêng của vỏ công-te-nơ được ghi ở bên ngoài của công-te-nơ.

c) Việc ước lượng trọng lượng của các thành phần trong công-te-nơ là không được chấp nhận.

d) Bên đóng hàng vào công-te-nơ không được sử dụng số liệu về trọng lượng của bất cứ người nào cung cấp, trừ khi một trong những trường hợp đặc biệt trọng lượng của hàng hóa đã được xác định rõ ràng và được đánh dấu trên bề mặt của kiện hàng mà nó được thực hiện tại nơi cân hàng hóa trước đó.

c) Đối với một số loại mặt hàng vận chuyển (ví dụ, kim loại phế liệu, hạt rời và các loại hàng hóa khác với số lượng lớn) thì Phương pháp thứ 2 là "không thích hợp và không thực tế" vì không thể dễ dàng để cân từng cá thể của chúng được đóng kiện trong công-te-nơ. Phương pháp thứ 2 cũng là không thích hợp cho hàng hóa lỏng được đóng trong túi mềm (flexitanks). Với loại hàng hóa loại này, Phương pháp số 1 phải được sử dụng.

d) Phương pháp được sử dụng để cân các thành phần được đóng gói và niêm phong trong công-te-nơ theo phương pháp thứ 2 phải được chứng nhận và

phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền. Người gửi hàng có trách nhiệm phải tuân theo bất kỳ biện pháp chứng nhận và các yêu cầu phê duyệt ban hành bởi cơ quan quản lý nhà nước đối với việc đóng gói công-te-nơ hoặc trong trường hợp một công-te-nơ được đóng gói trong nhiều nơi, bất kỳ biện pháp chứng nhận và các yêu cầu phê duyệt ban hành bởi cơ quan nhà nước nơi các thành phần hàng hóa cuối cùng của công-te-nơ được đóng gói.

Điều 13. Chứng từ xác nhận khối lượng

1. Người gửi hàng phải xác nhận tổng trọng lượng công-te-nơ đóng kiện theo phương pháp số 1 hoặc phương pháp số 2 và chuyển xác nhận này vào trong chứng từ vận chuyển. Chứng từ này có thể là một phần của hướng dẫn vận chuyển hàng hóa hoặc một thông tin riêng biệt của công ty vận chuyển (ví dụ, một tờ khai đã bao gồm chứng nhận trọng lượng được cấp bởi một trạm cân đã được kiểm định và chứng nhận trên đường vận chuyển hàng hóa từ cơ sở của người gửi hàng đến cảng xuất). Trong cả hai trường hợp, chứng từ phải thể hiện rõ ràng tổng trọng lượng được cung cấp chính là "xác nhận tổng trọng lượng".

2. Không phân biệt về hình thức, chứng từ kê khai xác nhận của công-te-nơ đóng kiện phải có chữ ký xác nhận của người có thẩm quyền bên gửi hàng, có thể là chữ ký điện tử hoặc có thể được thay thế bằng chữ in hoa tên người được ủy quyền ký.

3. Nếu có bất kỳ sự chênh lệch nào liên quan đến tổng trọng lượng của một công-te-nơ đóng kiện được cung cấp bởi người gửi hàng và xác nhận tổng trọng lượng của nó thì trong trường hợp này xác nhận tổng trọng lượng nên được áp dụng. Trong trường hợp doanh nghiệp cảng tiến hành cân lại công-te-nơ vì không chắc chắn đối với tổng trọng lượng của nó thì kết quả sau khi cân của doanh nghiệp cảng nên được dùng để lập kế hoạch xếp hàng của tàu.

4. Xác nhận trọng lượng công-te-nơ của người gửi hàng sẽ được cung cấp cho người khai thác cảng, thuyền trưởng và Cảng vụ hàng hải theo yêu cầu.

Điều 14. Khối lượng toàn bộ cho phép

1. Công-te-nơ không được đóng gói nhiều hơn tổng trọng lượng tối đa được ghi trên Bảng phê duyệt an toàn theo Công ước an toàn công-te-nơ 1972. Nếu trọng lượng của công-te-nơ vượt quá trọng lượng tối đa cho phép sẽ không được xếp lên tàu.

2. Ngoài việc không được đóng kiện công-te-nơ vượt quá tổng trọng lượng tối đa cho phép của nó, bên liên quan thực hiện việc đóng kiện công-te-nơ chấp hành phân bố trọng lượng hàng hóa và các yêu cầu về việc chằng buộc hàng hóa cho từng loại hàng cụ thể được đóng kiện vào công-te-nơ theo quy định.

Mục 2

QUY ĐỊNH VỀ KIỂM SOÁT KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA TẠI CẢNG BIỂN

Điều 15. Quy định chung

1. Tất cả hàng hóa được vận chuyển bằng phương tiện đường bộ, tàu biển, phương tiện thủy nội địa đến và rời bến cảng trong vùng nước cảng biển đều phải được xác định khối lượng hàng hóa.

2. Đối với công-te-nơ vận chuyển nội địa người gửi hàng, chủ hàng phải có chứng từ xác định trọng lượng của công-te-nơ.

3. Đối với công-te-nơ được vận chuyển quốc tế thực hiện theo quy định tại Chương III Mục 1.

Điều 16. Quy định kiểm soát đối với phương tiện đường bộ vận chuyển hàng hóa ra vào bến cảng

Kiểm soát khối lượng hàng hóa xếp trên phương tiện đường bộ so với Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện đường bộ không vượt quá trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện đường bộ và tải trọng, khổ giới hạn của cầu, hầm, đường bộ trên tuyến đường vận tải hàng hóa.

Trường hợp xác định phương tiện vượt quá tải trọng cho phép tham gia giao thông, doanh nghiệp cảng không tiếp nhận xe vào cảng để dỡ hàng.

Điều 17. Quy định kiểm soát đối với hàng hóa được bốc dỡ trên tàu

1. Người gửi hàng, chủ hàng phải cung cấp cho thuyền trưởng hoặc đại diện của thuyền trưởng đầy đủ những thông tin thích hợp về hàng hóa trước khi xếp hàng.

2. Doanh nghiệp cảng và thuyền trưởng chỉ được xếp hàng hóa xuống tàu khi có đầy đủ chứng từ xác nhận khối lượng hàng hóa theo quy định.

Trường hợp xác định công-te-nơ vượt quá tổng trọng lượng tối đa cho phép, doanh nghiệp cảng và thuyền trưởng không bốc dỡ hàng hóa lên hoặc xuống khỏi tàu.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ, CÁ NHÂN

Điều 12. Trách nhiệm của Cục Hàng hải Việt Nam

1. Tổ chức thực hiện việc kiểm soát tải trọng hàng hóa tại các bến cảng tại vùng nước cảng biển trong cả nước.

2. Chỉ đạo các Cảng vụ hàng hải tổ chức hướng dẫn các Doanh nghiệp cảng biển xây dựng quy trình kiểm soát tải trọng hàng hóa tại bến cảng.

3. Tổ chức tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ kiểm soát tải trọng tại cảng biển cho các đơn vị và doanh nghiệp.

4. Định kỳ hàng tháng, quý, năm báo cáo Bộ Giao thông vận tải kết quả thực hiện công tác kiểm soát tải trọng hàng hóa trong vùng nước cảng biển.

Điều 13. Trách nhiệm của Cảng vụ hàng hải

1. Hướng dẫn các doanh nghiệp cảng xây dựng quy trình kiểm soát tải trọng hàng hóa tại bến cảng.

2. Tổ chức đánh giá, phê duyệt quy trình kiểm soát tải trọng hàng hóa tại bến cảng.

3. Kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện quy trình kiểm soát tải trọng hàng hóa tại bến cảng.

4. Định kỳ hàng tháng, quý, năm báo cáo Cục Hàng hải Việt Nam kết quả thực hiện công tác kiểm soát tải trọng hàng hóa tại bến cảng trong vùng nước cảng biển do mình quản lý.

Điều 15. Trách nhiệm của doanh nghiệp

1. Trách nhiệm của doanh nghiệp cảng

a) Thực hiện các quy định tại Thông tư này và các văn bản quy định pháp luật có liên quan.

b) Ban hành quy chế xử lý vi phạm đối với các cá nhân, đơn vị trực thuộc nếu vi phạm quy trình.

c) Thông báo công khai và thông báo đối với chủ hàng, người gửi hàng, người vận tải, chủ phương tiện hoạt động tại bến cảng về chấp hành quy trình của doanh nghiệp cảng.

d) Đảm bảo bố trí đủ nhân viên, trang thiết bị cần thiết để thực hiện quy trình.

e) Trường hợp có lý do để tin rằng xác nhận trọng lượng được cung cấp bởi người gửi hàng sai sót đáng kể, doanh nghiệp cảng có thể thực hiện các bước để xác định trọng lượng chính xác hàng hóa đó nhằm phù hợp với các yêu cầu về an toàn. Các chi phí khắc phục liên quan đến bất kỳ bước nào được thực hiện để có trọng lượng chính xác do doanh nghiệp cảng và người gửi hàng thỏa thuận.

2. Trách nhiệm của chủ hàng, giao nhận hàng hóa

a) Thực hiện các quy định tại Thông tư này và các văn bản quy định pháp luật có liên quan;

b) Đối với công-te-nơ vận chuyển quốc tế, chủ hàng có tên trên vận đơn vận tải đường biển là bên chịu trách nhiệm cung cấp xác nhận tổng trọng lượng công-te-nơ được đóng kiện. Nếu một bên giao nhận vận tải hàng hóa/bên cung cấp dịch vụ vận chuyển không tàu (NVOCC) kết hợp vận chuyển hàng trong một công-te-nơ cùng với bên giao nhận vận tải hàng hóa khác thì bên giao nhận chính có tên trên vận đơn vận chuyển đường biển là bên chịu trách nhiệm cho sự chính xác của xác nhận trọng lượng tất cả hàng hóa, bao bì hoặc vật liệu chằng buộc từ tất cả các bên giao nhận hàng hóa khác cùng sử dụng các công-te-nơ đó;

c) Ký xác nhận trọng lượng của hàng hóa, hoặc đại diện cho chủ hàng ký xác nhận tính chính xác trong việc tính toán trọng lượng hàng hóa.

d) Thực hiện đóng hàng hóa theo các quy định về pháp luật đóng gói hàng hóa hoặc các quy định liên quan đến đóng gói hàng hóa mà Việt Nam là thành viên.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày....tháng.... năm 2016.
2. Đối với quy định xác định khối lượng hàng hóa công-te-nơ vận chuyển quốc tế quy định tại Chương III Mục 1 có hiệu lực từ ngày 01/7/2016.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan trong ngành giao thông vận tải chỉ đạo, đôn đốc theo dõi thực hiện các quy định của Thông tư này.
2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Giám đốc các Cảng vụ hàng hải, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Như Điều;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm soát TTHC (Văn phòng Chính phủ);
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Trang thông tin điện tử Bộ Giao thông vận tải;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Lưu: VT, PC.

BỘ TRƯỞNG

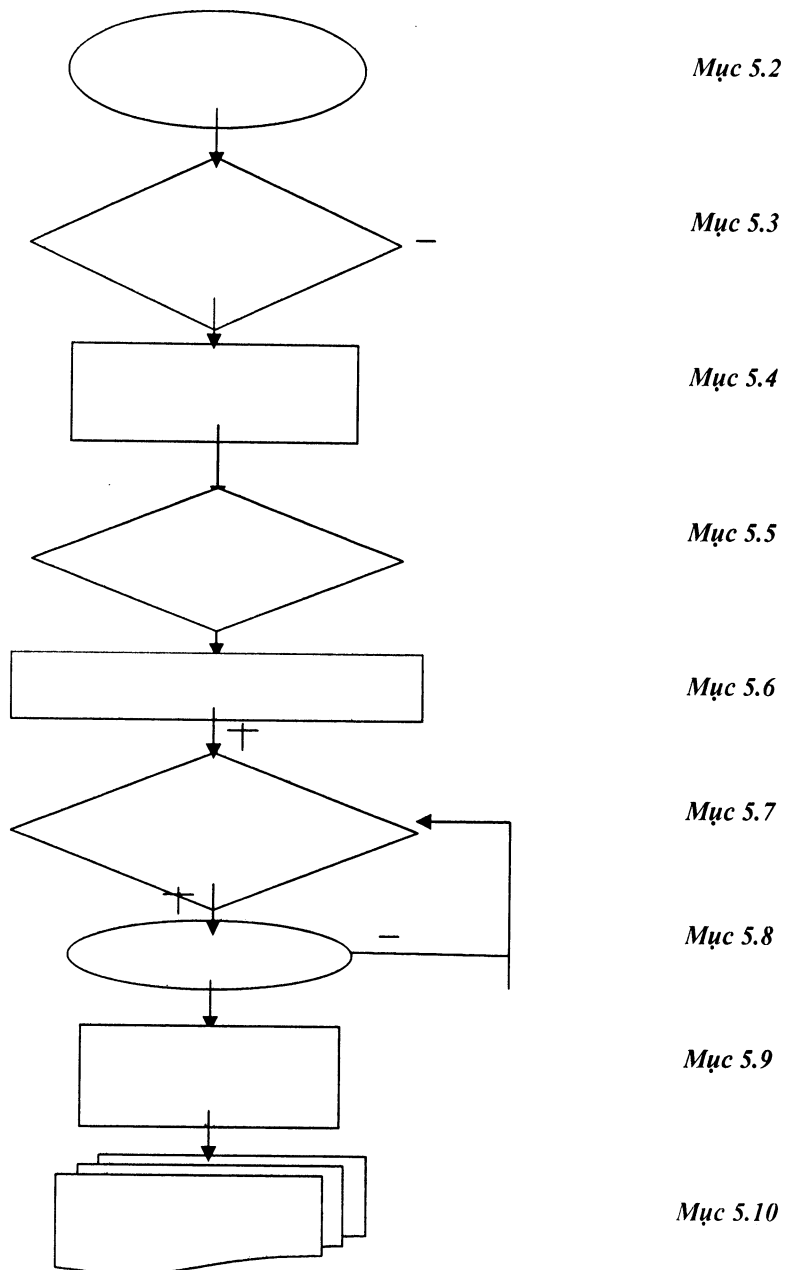
Phụ lục I
Mẫu Quy trình kiểm soát tải trọng
đối với phương tiện giao thông đường bộ tại bến cảng
(Ban hành kèm theo Thông tư số/2016/TT-BGTVT ngày ... thángnăm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Mục đích
2. Phạm vi áp dụng
3. Định nghĩa và các từ viết tắt
4. Văn bản căn cứ
5. Nội dung
 - 5.1 Phương tiện đường bộ vào cảng dỡ hàng (diễn giải)
 - 5.2 Phương tiện đường bộ chở hàng ra cảng (diễn giải)

Trách nhiệm

SƠ ĐỒ DÒNG CHẢY
Các bước thực hiện

Tài liệu liên quan



- Căn cứ vào loại hình hoạt động của cảng để xây dựng cho phù hợp (ví dụ):
- + Đối với hàng hóa là công-te-nơ (bao gồm cả có hàng và không có hàng)
 - + Đối với hàng rời
 - + Đối với hàng bao kiện
 - + Đối với hàng hóa siêu trường siêu trọng
 - + Đối với hàng hóa là hàng lỏng
 - + Đối với hàng hóa khác (căn cứ thực tế loại hàng hóa để xây dựng phương án cho phù hợp).

Nơi nhận:

- Như trên;

-.....

- Lưu

Lãnh đạo đơn vị

(Ký, đóng dấu ghi rõ họ tên)

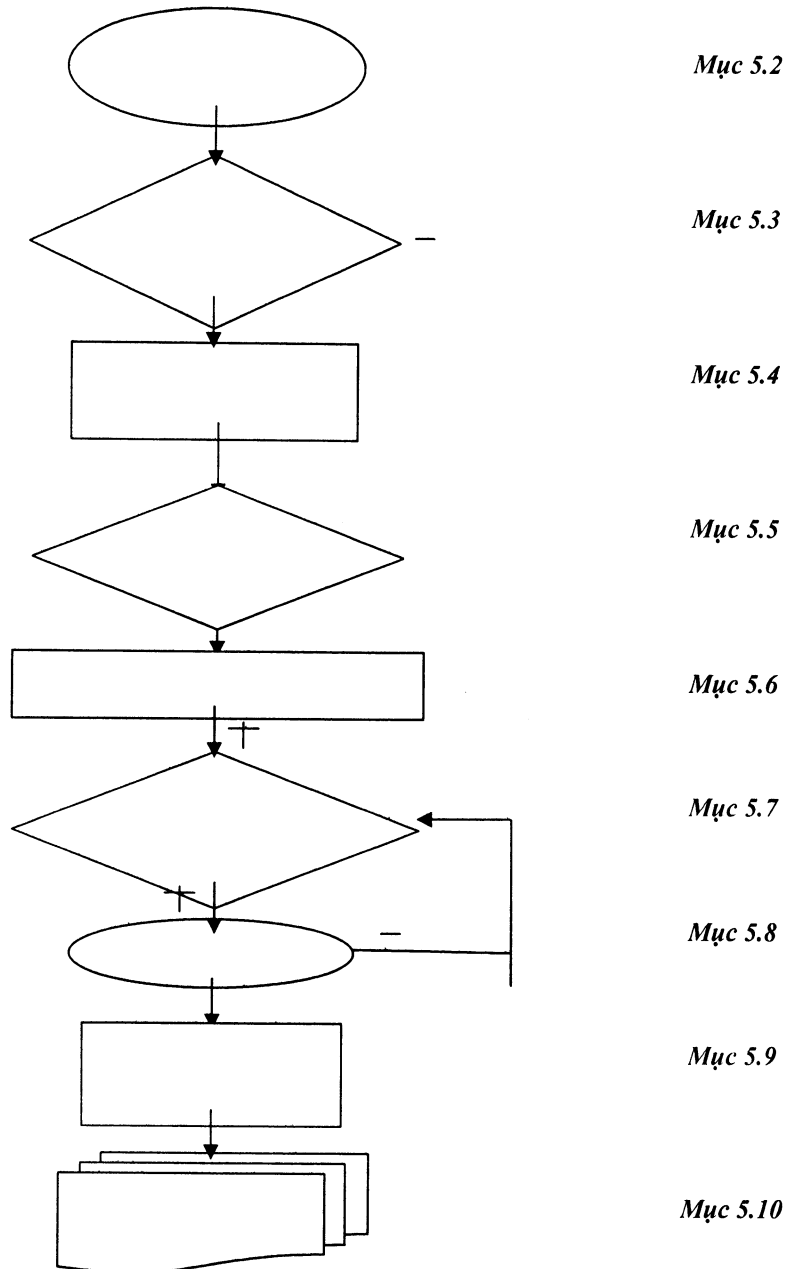
Phụ lục II
Mẫu Quy trình kiểm soát tải trọng đối với tàu biển tại bến cảng
(Ban hành kèm theo Thông tư số/2016/TT-BGTVT ngày ... thángnăm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Mục đích
2. Phạm vi áp dụng
3. Định nghĩa và các từ viết tắt
4. Văn bản căn cứ
5. Nội dung
 - 5.1 Tàu biển dỡ hàng tại cảng (diễn giải)
 - 5.2 Tàu biển vào cảng bốc hàng (diễn giải)

Trách nhiệm

SƠ ĐỒ DÒNG CHẢY
Các bước thực hiện

Tài liệu liên quan



Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu

Lãnh đạo đơn vị
(Ký, đóng dấu ghi rõ họ tên)

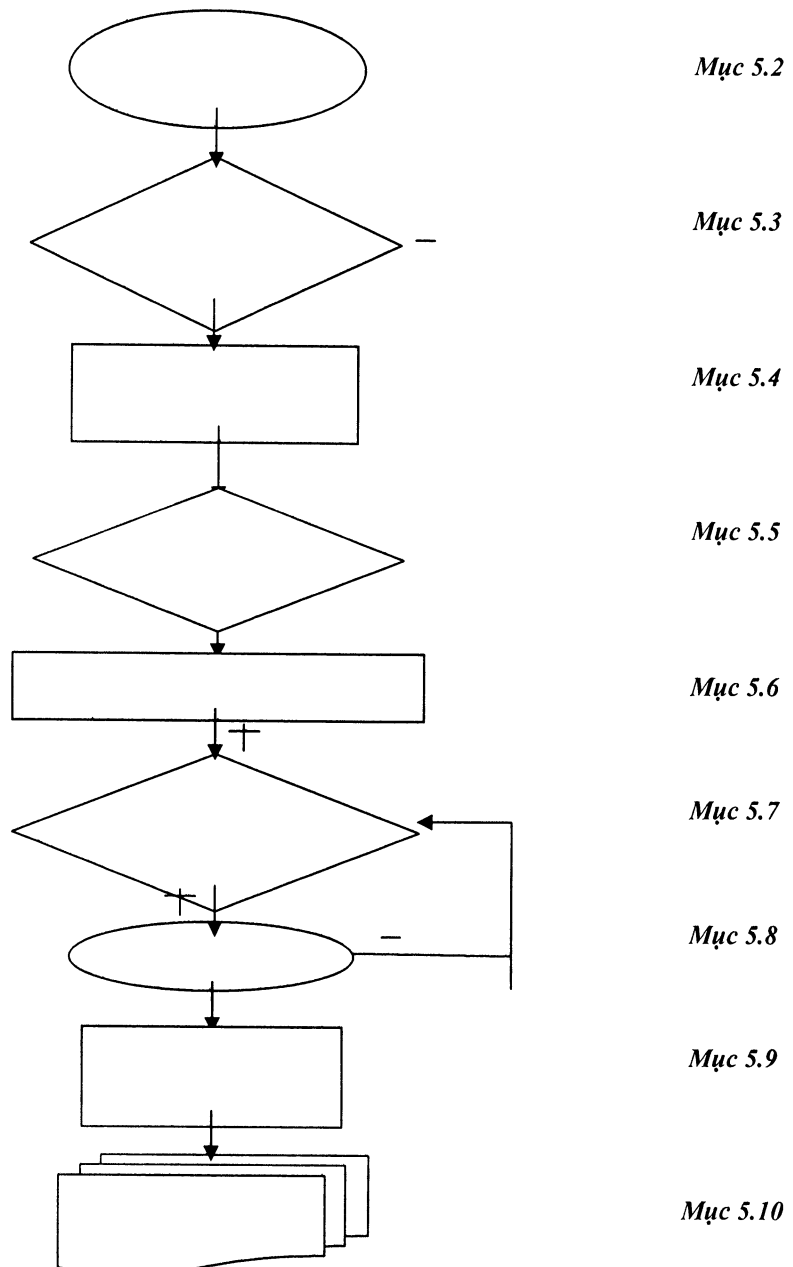
Phụ lục III
Mẫu Quy trình kiểm soát tải trọng đối với
phương tiện thủy nội địa tại bến cảng
(Ban hành kèm theo Thông tư số/2016/TT-BGTVT ngày ... tháng ... năm
2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Mục đích
2. Phạm vi áp dụng
3. Định nghĩa và các từ viết tắt
4. Văn bản căn cứ
5. Nội dung
 - 5.1 Phương tiện thủy nội địa dỡ hàng tại cảng (diễn giải)
 - 5.2 Phương tiện thủy nội địa vào cảng bốc hàng (diễn giải)

Trách nhiệm

SƠ ĐỒ DÒNG CHẢY
Các bước thực hiện

Tài liệu liên
quan



Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu

Lãnh đạo đơn vị
(Ký, đóng dấu ghi rõ họ tên)

Phụ lục IV

Mẫu văn bản đề nghị phê duyệt quy trình kiểm soát tải trọng

(Ban hành kèm theo Thông tư số/2016/TT-BGTVT ngày ... thángnăm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÊN DOANH NGHIỆP.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày.....tháng.....năm 201...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Phê duyệt quy trình kiểm soát tải trọng tại bến cảng.....

Kính gửi: Cảng vụ Hàng hải.....

Căn cứ Thông tư số...../2016/TT-BGTVT ngày.... tháng ... năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định kiểm soát tải trọng hàng hóa tại cảng biển;

- Tên tổ chức, cá nhân đề nghị:
- Địa chỉ:
- Số điện thoại:; Fax/email:
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ngày
- Cơ quan cấp:
- Loại hình doanh nghiệp:.....

Doanh nghiệp cảng chúng tôi đã hoàn thành việc xây dựng quy trình kiểm soát tải trọng hàng hóa tại cảng biển (gửi kèm theo văn bản) theo quy định tại Thông tư số/2016/TT-BGTVT ngày....tháng.... năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GTVT và các qui định pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị Cảng vụ Hàng hải..... đánh giá và phê duyệt quy trình kiểm soát tải trọng hàng hóa tại bến cảng cho chúng tôi./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu

Lãnh đạo đơn vị

(Ký, đóng dấu ghi rõ họ tên)

Phụ lục V
Mẫu tự đánh giá quy trình

TÊN DOANH NGHIỆP.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày.....tháng.....năm 201...

BÁO CÁO HÀNG NĂM TỰ ĐÁNH GIÁ QUY TRÌNH

Kính gửi: Cảng vụ Hàng hải.....

Căn cứ Thông tư số...../2016/TT-BGTVT ngày.... tháng ... năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định kiểm soát tải trọng hàng hóa tại cảng biển;

Sau khi tự đánh giá thực hiện triển khai quy trình kiểm soát tải trọng hàng hóa tại bến cảng....., Tên doanh nghiệp báo cáo:..... xin báo cáo kết quả đánh giá hàng năm như sau:

Stt	NỘI DUNG	ĐÁNH GIÁ	
I	Tổng quát		
1	Tên bến biển		
2	Tên Doanh nghiệp cảng biển		
3	Bộ phận/đơn vị đánh giá		
4	Quy trình kiểm soát tải trọng hàng hóa đã được Cảng vụ Hàng hải..... phê duyệt vào ngày		
5	Từ ngày được phê duyệt đến nay cảng có thay đổi lớn gì về kết cấu, trang thiết bị bốc dỡ hàng hóa hay khai thác không?	<input type="checkbox"/> Có Chuyển đến Mục IV	<input type="checkbox"/> Không
6	Từ ngày được phê duyệt đến nay tại cảng có vi phạm về tải trọng nào không?	<input type="checkbox"/> Có Chuyển đến Mục IV	<input type="checkbox"/> Không
II	Tổ chức triển khai thực hiện		
1	Bộ phận kiểm soát tải trọng có được thành lập không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
2	Có lãnh đạo đơn vị phụ trách công tác kiểm soát tải trọng không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
3	Các thành viên trong Bộ phận có nắm được quy trình kiểm soát không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không Chuyển đến Mục IV
4	Các nhân viên bảo vệ có hiểu rõ trách nhiệm của mình không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không Chuyển đến Mục IV
5	Các bộ phận có liên quan đến kiểm soát tải trọng có hiểu rõ trách nhiệm của mình không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không Chuyển đến Mục IV

6	Doanh nghiệp cảng có ký Bản Cam kết với các đơn vị bốc dỡ hàng hóa tại bến cảng không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
II	Các biện pháp kiểm tra tại bến cảng		
1	Có kiểm soát Giấy tờ của phương tiện đường bộ và lái xe khi ra vào cổng vệ không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không Chuyển đến Mục IV
2	Có ghi chép sổ sách hoặc nhập dữ liệu các phương tiện ra vào cổng bảo vệ không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
3	Có ghi chép thường xuyên kiểm soát phương tiện đường bộ ra vào cảng không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
4	Có phần mềm tra cứu dữ liệu kiểm soát phương tiện đường bộ ra vào cảng không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
5	Có trạm cân tại cảng không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không Chuyển đến Mục IV
6	Có lưu trữ dữ liệu cân theo quy định không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không Chuyển đến Mục IV
7	Có phương tiện thủy nội địa vào cảng bốc dỡ hàng hóa (đối với cảng biển)	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
8	Có kiểm soát tải trọng đối với tàu biển và phương tiện thủy nội địa tại cảng không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
9	Có thường xuyên kiểm tra giấy tờ hàng hoá để bảo đảm rằng chỉ những hàng hoá đúng chủng loại mới được cho vào cảng và kho hay không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
10	Có thường xuyên kiểm tra xác nhận trọng lượng hàng hoá để bảo đảm rằng xe chở hàng quá tải trọng không được phép vào cảng?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
11	Có thường xuyên kiểm tra các thành phần của hàng hoá, kể cả việc kiểm tra niêm phong khi hàng hoá được đưa vào cảng, khi hàng hoá xếp trong cảng?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
12	Có hàng hóa siêu trường siêu trọng tại bến cảng không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
13	Có sử dụng Camera để giám sát kiểm soát tải trọng tại khu vực cổng và trạm cân không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
14	Có phát hiện cá nhân/bộ phận vi phạm trong quá trình thực hiện quy trình không?	<input type="checkbox"/> Có Chuyển đến Mục IV	<input type="checkbox"/> Không
III	Tự nhận xét và đánh giá hoặc bổ sung các biện pháp vào quy trình		
1	Đảm bảo tiếp tục duy trì quy trình không không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không Cần tiến hành xây dựng lại ngay
2	Sửa đổi và bổ sung thêm vào quy trình nếu có không?	<input type="checkbox"/> Có Cần tiến hành ngay	<input type="checkbox"/> Không
IV	Giải thích các biện pháp đánh giá chưa phù hợp		

Bộ phận/đơn vị tự đánh giá
(Ký tên)

...., ngày.... tháng..... năm 20.....
Lãnh đạo đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)